

ĐỒNG CHÍ

- Chính Hữu -

A. Nội dung tác phẩm

- Cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội của những người lính
- Những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.
- Biểu tượng đẹp về tình đồng chí.

B. Tìm hiểu tác phẩm

1. Tác giả

- Chính Hữu (1926-2007) tên thật là Trần Đình Đắc, bút danh Chính Hữu.
- Quê quán: huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
- Năm 1946, Chính Hữu gia nhập Trung đoàn thủ đô và hoạt động trong quân đội suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.
- Là nhà thơ quân đội trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp
- Quá trình sáng tác:
 - + Ông bắt đầu sự nghiệp sáng tác thơ năm 1947
 - + Đề tài chủ yếu: chiến tranh và người lính
 - + Tác phẩm chính: tập thơ “Đầu súng trăng treo” (1966), “Thơ Chính Hữu” (1997).
- Phong cách sáng tác: mang đậm dấu ấn cá nhân với cảm xúc dồn nén, vừa thiết tha, trầm hùng lại vừa sâu lắng, hàm súc; ngôn ngữ, hình ảnh chọn lọc, đặc sắc.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

Bài thơ được viết vào đầu năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

b. Bố cục

- Đoạn 1 (7 câu thơ đầu): Lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí.
- Đoạn 2 (10 câu tiếp): Những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của nó.
- Đoạn 3 (3 câu cuối): Biểu tượng đẹp về tình đồng chí.

c. Ý nghĩa nhan đề

“Đồng chí” nghĩa là cùng chung chí hướng, lí tưởng. Đồng chí là cách gọi tên một tình cảm mới, xuất hiện và trở nên phổ biến từ sau cách mạng tháng Tám (1945). Đây cũng là cách xưng hô phổ biến của những người trong cùng một đoàn thể cách

mạng. Tình đồng chí là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.

d. Thể thơ và phương thức biểu đạt

- Thể thơ: tự do các câu với số tiếng khác nhau, chủ yếu là vần chân, nhịp thơ không cố định, theo dòng mạch cảm xúc.
- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. Biểu cảm là phương thức chủ yếu vì tập trung diễn tả cảm nghĩ của con người về tình đồng chí.

e. Giá trị nội dung

Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu. Tình đồng chí góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và phẩm chất của những người lính cách mạng. Qua đó hiện lên hình tượng chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

g. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ tự do linh hoạt.
- Các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, chân thực.
- Ngôn ngữ cô đọng, giản dị và giàu sức biểu cảm.

C. Đọc hiểu tác phẩm

1. Những cơ sở hình thành tình đồng chí

a. Sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân

- “*Quê anh*” → vùng đất ven biển “*nước mặn đồng chua*”
- “*Làng tôi*” → vùng trung du cần cỗi “*đất cày lên sỏi đá*”
- Hình ảnh đối xứng “*quê anh*” và “*làng tôi*” cùng với các thành ngữ trên → những điểm chung về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó

b. Chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc: “*Súng bên súng, đầu sát bên đầu*”: Hình ảnh sóng đôi và phép hoán dụ → hình ảnh những người lính kề vai sát cánh, tâm đầu ý hợp cùng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

c. Chung gian khổ thiếu thốn của cuộc đời người lính (*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*)

- Từ “*đôi xa lạ*” → “*đôi tri kỉ*”, họ hiểu bạn như hiểu chính mình → gắn bó, khăng khít.

Hai tiếng “*đồng chí*” và dấu chấm than → nốt nhấn, một tiếng gọi thiết tha, vừa như một phát hiện, một lời khẳng định, đồng thời lại như một bản lề gắn kết hai đoạn thơ.

2. Những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của nó

a. Sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư hoàn cảnh, nỗi niềm của nhau:

- Họ sẵn sàng để lại tất cả, những thân thương, quý giá nhất để ra đi vì nghĩa lớn.
- “*Mặc kệ*” không có nghĩa là thờ ơ, bỏ mặc mà là sự dứt áo ra đi, hi sinh tình cảm riêng tư vì nghĩa lớn → làm cho người lính mang dáng dấp mạnh mẽ, dứt khoát của một bậc trượng phu, thực ra những người lính ấy vẫn nặng lòng gắn bó với quê hương. Hình ảnh hoán dụ và nhân hóa “*giếng nước gốc đa*” → gợi nhớ đến quê hương xứ sở, đến những người mẹ, người vợ... vẫn ngày đêm mong ngóng họ trở về.
- Trong mỗi người lính ấy, hình bóng quê hương vẫn luôn thường trực → nỗi nhớ 2 chiều → tâm tư ấy, nỗi nhớ ấy của *anh* và cũng là của *tôi*, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau.

b. Sự đồng cam cộng khổ, cùng nhau chia sẻ những gian lao của cuộc đời người lính:

- Hình ảnh *anh* và *tôi* lại xuất hiện sóng đôi: Họ đều đã từng trải qua những cơn sốt rét, hoàn cảnh thiếu thốn thuốc men, trang phục phong phanh: “*áo rách vai, quần có vài mảnh vá, chân không giày*” → Khó khăn gian khổ được tái hiện chân thực.
- Nụ cười buốt giá → lạc quan yêu đời: không khó khăn gian khổ nào có thể dập tắt niềm tin và nghị lực của người lính

c. Sự đoàn kết, động viên nhau

- Cử chỉ “*tay nắm lấy bàn tay*” là hình ảnh đẹp nhất của sự sẻ chia thâm lặng mà đầy sức mạnh giữa những người lính; là biểu hiện và cũng là biểu tượng của tinh thần đoàn kết, cảm thông, yêu thương
- Người lính như được tiếp thêm sức mạnh, động viên nhau vượt qua gian khó, vững niềm tin về một tương lai tất thắng.

3. Biểu tượng đẹp về tình đồng chí

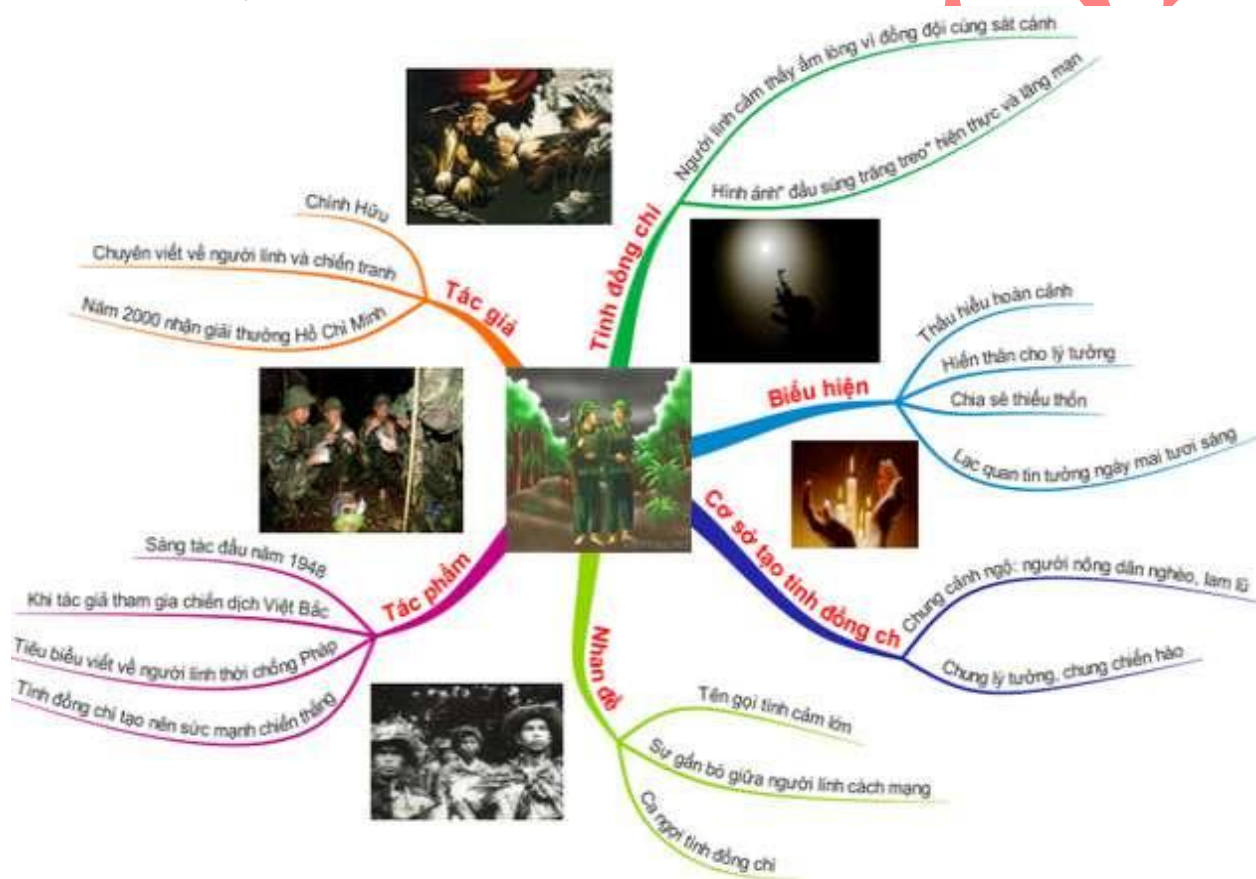
- Đêm nay → thời gian
 - Rừng hoang → không gian
 - Sương muối → thời tiết
- } → Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ, khắc nghiệt
- Tư thế “*chờ giặc tới*” → sự chủ động, hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu, bởi bên cạnh đã có người đồng chí cho họ niềm tin và sức mạnh.

- “Đầu súng trăng treo” → hình ảnh thực được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích của chính tác giả; là hình ảnh giàu sức tạo hình gợi lên liên tưởng bất ngờ, kì thú: súng và trăng là gần và xa, là thực tại và mộng mơ, là chiến tranh và hòa bình, là chiến sĩ và thi sĩ,

→ Những người lính cầm súng vì lí tưởng cao đẹp: bảo vệ quê hương, giành lại độc lập, hòa bình cho Tổ quốc.

→ Ba câu cuối là một bức chạm khắc đẹp đẽ về tình đồng chí, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ.

D. Sơ đồ tư duy



E. Bài văn mẫu phân tích tác phẩm

Văn chương giống như một cây bút đa màu, nó vẽ lên bức tranh cuộc sống bằng những gam màu hiện thực. Văn chương không bao giờ tìm đến những chốn xa hoa mỹ lệ để làm mãn nhãn người đọc, nó tiếp cận hiện thực và tiếp nhận thứ tình cảm chân thật không giả dối. Người nghệ sĩ đã dùng cả trái tim mình để đưa bạn đọc trở

lại với đời thực để cùng lắng đọng, cùng sẻ chia. Phân tích bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã dẫn bạn đọc vào bức tranh hiện thực nơi núi rừng biên giới nhưng thấm đẫm tình đồng chí, đồng đội bằng thứ văn giản dị, mộc mạc.

Khi nhắc đến Chính Hữu, ta thường nhắc đến một nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm của ông thường viết về chiến tranh và hình ảnh người lính với những ngôn từ hàm xúc, giản dị. Bài thơ "Đồng chí" là một trong những bài thơ tiêu biểu và thành công nhất của ông. Bài thơ được viết và in lần đầu trên một tờ báo đại đội ở chiến khu Việt Bắc (1948) dựa trên những trải nghiệm của Chính Hữu cùng đồng chí đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc - thu đông (1947) đánh bại cuộc tấn công quy mô lớn của thực dân Pháp vào cơ quan đầu não của ta.

Bằng những câu thơ tự do, ngôn từ giản dị, bài thơ thể hiện ấn tượng hình ảnh người lính thời kì đầu chống Pháp và tình đồng chí đồng đội thấm thiết, keo sơn giữa các anh.

Ngòi bút tài hoa cùng với những câu thơ tự do, giọng thủ thỉ tâm tình, ngôn ngữ giản dị, Chính Hữu đã lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"

Hai câu đầu với cấu trúc câu thơ song hành, thành ngữ dân gian "nước mặn đồng chua", cách nói sáng tạo từ tục ngữ "đất cày lên sỏi đá", giọng thơ thủ thỉ tâm tình gợi cảnh hai người lính đang ngồi kể cho nhau nghe về quê hương mình. Đó là những vùng quê nghèo khó, lam lũ: một người ở miền biển "nước mặn đồng chua", một người ở miền trung du "đất cày lên sỏi đá". Phải chăng chính nguồn gốc xuất thân của các anh đã làm nên bệ phóng cho tình đồng chí?

"Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!"

Đồng hoàn cảnh, chung lý tưởng đánh giặc cứu nước, các anh đã tham gia đội ngũ bộ đội kháng chiến. Cuộc kháng chiến chống Pháp trường kì của dân tộc chính là

nơi hội tụ trái tim những người con yêu nước, đã đưa các anh từ lạ thành quen "Anh với tôi đôi người xa lạ / Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau"

Có lẽ chung cuộc sống chiến đấu gian khổ bên chiến hào vì độc lập tự do của dân tộc, đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau:

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"

Hai câu thơ vừa mang ý nghĩa tả thực vừa mang ý nghĩa biểu trưng. Câu thơ: "súng bên súng, đầu sát bên đầu" đã gọi lên tư thế của người lính trong đêm phục kích. Họ luôn sát cánh bên nhau trong mọi khó khăn, nguy hiểm. "Súng bên súng" là chung nhiệm vụ, chung hành động; "đầu sát bên đầu" là chung chí hướng, chung lí tưởng. Chính Hữu đã dùng các từ "sát bên, chung" gọi sự chia sẻ của người lính, ý hợp tâm giao. Hình ảnh "đêm rét chung chăn" là một hình ảnh đẹp, đầy ý nghĩa, đã cho ta thấy được sự sẻ chia những thiếu thốn, gian lao trong cuộc đời người lính. Cũng sự sẻ chia ấy, Tố Hữu từng viết:

"Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng"

Tấm chăn tuy mỏng nhưng ấm tình đồng chí, đồng đội mà người lính không thể nào quên. Nó đã vun đắp lên tình đồng chí của các anh, cái tình ấy ngày một thấm thiết, đậm sâu. Các anh giờ đây không chỉ là tri kỉ thân thiết của nhau mà đã trở thành những người "đồng chí".

"Đồng chí!" Là một câu đặc biệt như một bản lề khép mở: khép lại cơ sở hình thành tình đồng chí và mở ra biểu hiện sức mạnh của tình đồng chí. Nó như nốt nhấn trên bản đàn, buộc người đọc phải dừng lại suy nghĩ về ý nghĩa mà nó gọi ra. Đó là tiếng gọi thiêng liêng của những người có chung chí hướng, lí tưởng vang lên từ sâu thẳm tâm hồn người lính. Tình đồng chí là đỉnh cao của tình bạn, tình người, là kết tinh của mọi tình cảm, là cội nguồn sức mạnh để người lính vượt qua những tháng ngày khó khăn gian khổ. Hai tiếng "đồng chí" đơn sơ mà cảm động đến nao lòng, làm bừng sáng ý nghĩa của cả đoạn thơ và bài thơ.

Mười câu thơ tiếp theo vẫn là những câu thơ tự do, ngôn từ giản dị, mộc mạc cho người đọc thấy được biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.

Trải qua những khó khăn nơi chiến trường, tình đồng chí đã giúp các anh có được sự cảm thông, thấu hiểu nỗi lòng, tình cảm của nhau. Những lúc ngồi cận kề bên nhau, các anh đã kể cho nhau nghe chuyện quê nhà đầy băng khuâng, thương nhớ:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính"

Ba câu thơ với giọng thủ thỉ tâm tình cùng những hình ảnh giản dị quen thuộc cho thấy những người lính vốn là những người nông dân quen chân lấm tay bùn, gắn bó với căn nhà, thửa ruộng. Nhưng khi tổ quốc cần, các anh sẵn sàng từ bỏ những gì thân thuộc nhất để ra đi làm nhiệm vụ: ruộng nương gửi bạn thân cày, để mặc căn nhà trống trải đang cần người sửa mái. "Mặc kệ" vốn chỉ thái độ thờ ơ, vô tâm của con người, nhưng trong lời thơ của Chính Hữu lại thể hiện được sự quyết tâm của người lính khi ra đi. Đó cũng là quyết tâm chung của cả dân tộc, của cả thời đại. Tuy quyết tâm ra đi nhưng trong sâu thẳm tâm hồn các anh, hình ảnh quê hương vẫn in đậm, vẫn hằn lên nỗi nhớ thân thương: "giếng nước gốc đa nhớ người ra lính". Với hình ảnh hoán dụ, nghệ thuật nhân hóa, Chính Hữu đã tạo ra nỗi nhớ hai chiều: quê hương - nơi có cha mẹ, dân làng luôn nhớ và đợi chờ các anh; các anh - những người lính luôn hướng về quê hương với bao tình cảm sâu nặng. Có lẽ chính nỗi nhớ ấy đã tiếp thêm cho các anh sức mạnh để các anh chiến đấu giành lại độc lập cho dân tộc.

Không chỉ thấu hiểu, cảm thông, các anh còn sẻ chia những thiếu thốn, gian lao và niềm vui bên chiến hào chiến đấu:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay"

Đoạn thơ với bút pháp hiện thực, hình ảnh sóng đôi đối xứng "anh - tôi", "áo anh - quần tôi" tạo được sự gắn kết của những người đồng chí luôn kề vai sát cánh, đồng

cam cộng khổ bên nhau. Trong thiếu thốn, các anh đã cùng chia sẻ ốm đau bệnh tật, cũng trải qua những cơn sốt rét rừng ghê gớm, cùng chia sẻ những thiếu thốn về vật chất, bằng niềm lạc quan "miệng cười buốt giá", bằng tình yêu thương gắn bó "thương nhau tay nắm lấy bàn tay". Hình ảnh "miệng cười buốt giá" gợi nụ cười lạc quan bừng lên trong giá lạnh, xua tan đi sự khắc nghiệt của chiến trường. Các anh nắm tay nhau để chuyển cho nhau hơi ấm, để động viên nhau vượt qua khó khăn gian khổ. Thật hiếm khi thấy cái bắt tay nào nồng hậu đến vậy!

Chính Hữu bằng những nét vẽ giản dị mộc mạc đã vẽ lên bức tranh tuyệt đẹp ngay giữa một hoàn cảnh đầy khắc nghiệt: bức tranh người lính đứng gác giữa núi rừng biên giới trong đêm khuya:

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo."

Đêm nay cũng như bao đêm khác, các anh phục kích chờ giặc, chuẩn bị cho trận đánh giành thắng lợi cuối cùng trong chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, một đêm đã đi vào lịch sử khiến người lính không thể nào quên. Các anh phục kích chủ động chờ giặc trong hoàn cảnh đầy khắc nghiệt: "rừng hoang sương muối" / "Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới". Các anh chờ giặc tới là chờ giây phút hồi hộp căng thẳng khi ranh giới của sự sống cái chết rất mong manh. Từ "chờ" đã thể hiện được tư thế chủ động của người lính trong đêm phục kích cũng là tư thế chủ động của toàn dân ta sau chiến dịch Việt Bắc - thu đông 1947.

Khép lại bài thơ là hình ảnh tuyệt đẹp và thi vị, một phát hiện của người lính trong chính đêm phục kích của mình: "đầu súng trăng treo". Câu thơ gợi từ hiện thực: đêm về khuya, người lính đứng gác trong tư thế chủ động, súng chĩa lên trời, trăng lên cao, ánh trăng trên đầu súng khiến các anh tưởng như trăng đang treo trên đầu súng của mình. Súng là biểu tượng của cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh mà người lính đang trải qua, trăng là biểu tượng của cuộc sống hòa bình trong tương lai mà người lính đang hướng tới. Súng là biểu tượng của người chiến sĩ, trăng là biểu tượng của thi sĩ. Súng - trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chất chiến sĩ và chất thi sĩ, hiện thực và lãng mạn cũng tồn tại, bổ sung, tô điểm

cho vẻ đẹp cuộc đời người chiến sĩ. Ánh trăng dường như đang ngập tràn khắp núi rừng chiến khu, trên bầu trời và chiếu cả trong làn sương huyền ảo. Tâm hồn các anh - những người chiến sĩ cũng như ánh trăng ấy nồng hậu, lấp lánh ánh sáng lạc quan, luôn hướng về một ngày mai tươi sáng.

Như vậy, "Đồng chí" giống như một lời ca nhẹ nhàng trong trẻo về tình đồng chí đồng đội. Chính Hữu đã mang đến cho thơ ca cách mạng một giai điệu mới mẻ, một bức tranh đẹp về người lính chống Pháp. Nhà thơ đã khéo léo vận dụng ngôn ngữ bình dị, tự nhiên, những tục ngữ, thành ngữ dân gian làm cho lời thơ trở nên thi vị, mộc mạc, đi thẳng đến trái tim người đọc. Bên cạnh đó, với những hình ảnh biểu trưng, những câu văn sóng đôi, ngòi bút hiện thực lãng mạn của ông đã tô điểm thêm vẻ đẹp sáng ngời của tình đồng chí.

Văn chương nghệ thuật cần đến những con người biết nhìn hiện thực bằng trái tim. Chính Hữu đã đem hiện thực vào trang viết của mình một cách tự nhiên nhưng đồng thời cũng đặt vào bức tranh ấy một viên ngọc sáng thuần khiết nhất, đó là tình đồng chí đồng đội keo sơn thắm thiết. Để rồi khi thời gian trôi qua, tác phẩm trở thành bài ca không quên trong lòng bạn đọc.